

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 3 - 2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Bà Phạm Thị Nguyệt Thu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1195/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025, về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/02/2026, quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Minh D, sinh năm 1975, địa chỉ cư trú: 373A/11, tổ D, khu phố C, phường L, tỉnh Đồng Nai; xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, địa chỉ cư trú: Khu dân cư M, khu phố C, phường L, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Minh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/10/2003, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã B, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên ông xin ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Minh Q, sinh ngày 31/7/2004 và Trần Minh Đ, sinh ngày 06/9/2008. Ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh Đ, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu

Trần Minh Q đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật về thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách đương sự, thủ tục tố tụng đã được Tòa án xác định và thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D. Cho ông D được ly hôn bà H. Có 02 con chung là Trần Minh Q, sinh ngày 31/7/2004 và Trần Minh Đ, sinh ngày 06/9/2008. Ly hôn, giao cháu Đ cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà H không cấp dưỡng nuôi con chung; đối với cháu Q đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Tài sản chung, nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông D khởi kiện yêu cầu “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” nên quan hệ pháp luật được xác định là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền của Tòa án: Vụ án ly hôn, bị đơn cư trú tại phường L, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai theo các quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 85/2025/QH15.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo các quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Ông D, bà H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2003, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã B, tỉnh Lâm Đồng, nên việc kết hôn là hợp pháp theo các quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[4.2] Về yêu cầu xin ly hôn của ông D

Xét thấy, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng ông D và bà H, kết quả xác minh “quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn gì hay không địa phương không biết và cũng không nhận được trình báo gì của ông D và bà H”; Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cương quyết xin ly hôn

nên hòa giải đoàn tụ không thành. Do vậy đủ căn cứ để kết luận hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho ông D ly hôn bà H.

[4.3] Về yêu cầu nuôi con chung, cấp dưỡng

Xét thấy, ông D và bà H có 02 con chung là Trần Minh Q, sinh ngày 31/7/2004 và Trần Minh Đ, sinh ngày 06/9/2008. Tại bản tự khai của cháu Đ, cháu Đ trình bày cháu hiện đang sống cùng với cha, cha lo cho việc ăn học, mong Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn để ổn định cuộc sống; ông D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ; mặt khác bà H không có ý kiến gì về việc nuôi con, cấp dưỡng, không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên Hội đồng xét xử giao cháu Trần Minh Đ cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Q đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông D trình bày tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Ông D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010435 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

[6] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh D về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh D được ly hôn bà Nguyễn Thị H.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 06/9/2008 cho ông Trần Minh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời bà Nguyễn Thị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì

quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010435 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND phường 2 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Học